

GỐM THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG HÀNH TRÌNH MẬU DỊCH GỐM SỨ CHÂU Á

TRƯƠNG MINH HẰNG*

Xuất phát từ điều kiện địa lí tự nhiên và điều kiện kinh tế, không phải bây giờ mà từ hàng ngàn năm trước, Đông Nam Á luôn đóng vai trò quan trọng trong thương nghiệp và buôn bán nối giữa miền Tây và miền Đông của thế giới.

Trong số những sản phẩm được dùng làm hàng hoá trao đổi, ngoài tơ lụa và hương liệu là những mặt hàng mang lại nguồn thu lớn cho các lái thương, đồ gốm cũng là một mặt hàng đặc biệt hấp dẫn và chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử ngoại thương của nhiều quốc gia Châu Á.

Theo nguồn tư liệu đã công bố, ở Đông Nam Á, tính từ phía đông sang, những nước có truyền thống sản xuất đồ gốm lâu đời là Việt Nam, Campuchia và Thái Lan. Đồ gốm của ba nước này ngoài phần để sử dụng trong nước còn được xuất ra nước ngoài từ rất sớm.

Về niên đại của đồ gốm thương mại Việt Nam, Mikami Tsugio, sau khi dẫn

tư liệu điều tra của Morimoto Asako từ bộ sưu tập gốm sứ Việt Nam có niên đại thời Lý của C. Huet tại Bảo tàng mỹ thuật Quốc gia Bruccen, Bỉ, đã đưa ra một thời điểm sớm nhất: Vào khoảng thế kỉ X (trong so sánh với gốm xuất khẩu của Campuchia vào khoảng thế kỉ 11, 12 và Thái Lan vào khoảng thế kỉ 13, 14) (Mikami Tsugio 1984: 209-235). Một học giả khác, N. Hiroko cho rằng "Sản phẩm gốm Việt Nam dường như đã trở thành gốm xuất khẩu ngay từ thế kỉ 13 (Mitsuoka Tadanari, Nishi da Hiroko 1984: 236 - 253). Còn John Guy và đa số các nhà khảo cổ học Việt Nam đều xác nhận một thời điểm muộn hơn: nửa đầu thế kỉ 14 (John Guy, 1984: 209 - 235).

Chúng tôi ủng hộ niên đại mà các nhà khoa học Nhật Bản đưa ra, mặc dù nghiên cứu của họ công bố từ năm 1984 khi những tư liệu khảo sát còn rất hạn chế. Từ những kết quả (bước đầu) cuộc khai quật Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) - một trong những sự kiện lớn của ngành khảo cổ học Việt Nam trong

* ThS. Trương Minh Hằng, Viện Nghiên cứu Văn hóa.

những năm gần đây, có thể dẫn thêm tư liệu bổ sung cho nhận định của M.Tsugio. Ví dụ, tại khu di tích, người ta đã tìm thấy loại bát và chậu sứ trắng có niên đại thời Lý (theo M.Tsugio đây là mặt hàng được xuất khẩu với số lượng lớn), và một nắp hộp men xanh lục trang trí hình rồng thời Lý mà M.Tsugio cho rằng tổ tiên của chúng là sứ xanh Trung Quốc: “Do Việt Nam bắt chước các loại sứ xanh Long Tuyền, Phúc Kiến, Quảng Đông nhưng không đẹp bằng nên không thể chen chân vào thị trường đồ gốm Trung Quốc” (M.Tsugio 1984: 209 - 235). Tuy nhiên nếu được xem trực tiếp những hiện vật này tại khu khai quật có thể thấy rằng nhận xét của M.Tsugio từ 20 năm trước đây về dòng gốm men xanh lục chưa hoàn toàn thoả đáng.

Thời Lý có thể coi là thời kì quá độ để đồ gốm Việt Nam chuyển từ sản xuất phục vụ thị trường trong nước sang sản xuất để xuất khẩu. Sang tới thời Trần, chính xác hơn là từ thế kỉ 14, gốm thương mại Việt Nam đã có một vị trí đáng trân trọng trong dòng mậu dịch gốm sứ quốc tế, và tiếp theo đó là “những giai đoạn bành trướng đáng kể cho đến thế kỉ 17”. Thậm chí “Nó đóng vai trò quan trọng mỗi khi nước cung cấp hàng đầu, Trung Quốc không đủ khả năng thoả mãn mong muốn của thị trường. Tuy nhiên nó chỉ là một trong những thành tố đồng qui và góp phần vào phương trình kinh tế để giúp hoạt động mậu dịch trở thành một đề nghị có khả năng thực hiện được” (Kerry Nguyên - Long 2001: 97).

Cho tới thời điểm hiện nay, sự tồn tại thịnh vượng, sầm uất một nền gốm thương mại Việt Nam trong hệ thống giao lưu hàng hải quốc tế là điều không còn gì phải nghi ngờ. Nhưng việc nghiên cứu, khảo sát hành trình của nó lại diễn ra rất muộn.

Vào những năm 1933 - 1934, sau khi chiếc bình gốm vẽ hoa mẫu đơn dây bằng màu lam mờ dưới men có dòng minh văn ghi niên đại Thái Hoà (1450) của Việt Nam trưng bày tại Bảo tàng Hoàng cung Topkapi Saray (Istanbul) được L.R.Hobson, một nhà nghiên cứu người Anh giới thiệu trong cuốn *Văn kiện của Hội gốm Phương Đông*, (Transactions of the Oriental Ceramic Society, 1933 - 1934) thì dường như giới nghiên cứu gốm cổ Châu Á mới phát hiện ra rằng, ngoài Trung Quốc, còn có một dòng gốm men lam đã được sản xuất ở Việt Nam; và họ bắt đầu triển khai một lĩnh vực nghiên cứu mới: Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua con đường giao lưu gốm sứ.

Để lí giải sự xuất hiện của chiếc bình gốm nổi tiếng này (gọi tắt là chiếc bình Topkapi) bên cạnh các sưu tập gốm cổ Việt Nam có mặt tại Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập và các nước Hồi giáo phương Đông, người ta đã đưa ra rất nhiều giả thiết về hành trình của con đường mậu dịch gốm sứ nổi giữa Việt Nam với các quốc gia Tây Á.

Năm 1984, John Guy, từ việc phát hiện những mảnh đĩa hoa lam của lò Chu Đậu, Hải Dương (thế kỉ 15) tại thương điểm Hormuz trong vịnh Ba Tư

đã cho rằng, đây là bằng chứng gốm Việt Nam đến Tây Á bằng con đường hàng hải (John Guy 1984). Trong khi đó, tư liệu của M.Tsugio khẳng định việc xuất khẩu gốm (sang Tây Á) vào thời kì này phải thông qua một thị trường trung gian - đó là thị trường buôn bán đồ gốm Trung Quốc: “Khi đó, giữa Bắc Bộ và Quảng Châu, đường biển và đường bộ rất phát triển đã nối hai vùng này với nhau” (M.Tsugio 1984). Chiếm tỉ lệ lớn trong những sản phẩm xuất sang Tây Á là những sản phẩm gốm men trắng vẽ lam. Sau này, Kerry Nguyên - Long, trong một cuốn sách xuất bản muộn hơn đã dẫn tư liệu và đưa ra lời tổng kết: Gốm thương mại Việt Nam đến Tây Á bằng hai con đường: 1. Đường biển; 2. Đường bộ qua Trung Quốc và Trung Á. Ông viết: “Sự hiện diện của gốm hoa lam Việt Nam trong các sưu tập ở Tây Á, bên cạnh gốm hoa lam Trung Quốc cho thấy quá trình giao lưu văn hoá đã được mở rộng”, và “Sự có mặt của gốm Việt Nam trong môi trường Tây Á xa lạ cho thấy, Việt Nam đã đạt được kĩ năng để chế tạo sản phẩm giao lưu văn hoá đáp ứng trình độ kĩ thuật và khiếu thẩm mỹ của thành viên giàu có nhất và thanh thế nhất trong cộng đồng quốc tế”. (Kerry Nguyên - Long 2001: 75, 76).

Tuy nhiên cần phải nói thêm rằng, Tây Á không phải là thị trường đầu tiên của gốm sứ mậu dịch Việt Nam. Sự buôn bán đồ gốm rất phát đạt của Trung Quốc ở khắp Châu Á từ cuối thời kì cổ đại đã kích thích hoạt động sản

xuất và sản phẩm gốm của nhiều nước trong khu vực gia nhập nền kinh tế hàng hoá.

Như tư liệu đã dẫn, vào thời kì đầu của thiên niên kỉ thứ 2, khi các quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á là Việt Nam, Campuchia, Thái Lan bước vào hành trình mậu dịch gốm sứ thì mạng lưới buôn bán trao đổi của những thương nhân Trung Quốc đã triển khai khắp vùng. Trong một nghiên cứu công bố vào năm 1994, Rosemary Scott xác nhận vai trò, tầm quan trọng và ảnh hưởng của các lò gốm Nam Trung Quốc trong giao lưu và phát triển đồ gốm Đông Nam Á, đặc biệt là các lò gốm ở Bắc Việt Nam. Theo ông có hai khả năng (hoặc là 2 lộ trình) mà đồ gốm Nam Trung Quốc đến được Đông Nam Á. Khả năng thứ nhất xuất phát từ các lò gốm sản xuất đồ gốm sứ có chất lượng cao nằm ở đông nam tỉnh Quảng Đông. Các lò gốm cỡ lớn của huyện Dung (Rongxian), huyện Đằng (Tengxian) và thành phố Bắc Lưu (BeiLiu) đều nằm theo dọc sông Bắc Lưu, một hợp lưu của sông Tây Giang (Xi Giang) chảy tới Quảng Châu. Điều này tạo ra khả năng những lò gốm này đã tiếp cận một cảng lớn và tạo điều kiện để đồ gốm tìm được con đường đi ra nước ngoài. Khả năng thứ hai là một đường bộ ngắn hơn từ Bắc Lưu qua Ngọc Lâm (Yulin) rồi từ đó dùng đường thuỷ xuôi theo con sông *Nam Liu* và có thể vận chuyển đồ gốm đến Hợp Phố (Hepu) và vịnh Bắc Bộ (Tonkin) (Rosemary Scott 1994:196).

Ngoài Trung Quốc và Tây Á, đồ gốm Việt Nam còn được xuất khẩu sang lục địa và các hải đảo Đông Nam Á, thị trường Nhật Bản và sang cả Châu Âu qua con đường buôn bán Trung Đông.

Về thị trường Đông Nam Á, trong một tham luận tại Hội thảo “*Đô thị cổ Hội An*” tổ chức tại Đà Nẵng tháng 3/1990, Aoyagi Yoji, giáo sư đại học Yochi đã công bố danh sách 32 địa điểm khảo cổ học ở quần đảo Đông Nam Á đã tìm thấy gốm thương mại Việt Nam có khung niên đại từ thế kỉ 14 - 16, chủ yếu là gốm hoa lam và một số ít là gốm màu. Cụ thể 32 địa điểm đó như sau: *Malayxia*: 9 địa điểm (Miền tây Malayxia: 3, Sarawak: 4, Sabah: 2); *Brunei*: 2 địa điểm; *Philippin*: 10 địa điểm (Lufon: 4, Mindoro: 1, Panai: 2, Cebu: 1, Bohol: 1, Mindanao: 1); *Indonexia*: 11 địa điểm (Sumatra: 3, Jawa: 4, Sulawesi: 3, Flores: 1) (A.Yoji 1991: 78 - 82). Song, cho đến năm 1997, John Guy và John Stevenson lại công bố một bản đồ bao gồm 37 di chỉ ở khu vực Đông Nam Á đã tìm thấy gốm thương mại Việt Nam (John Stevenson, John Guy 1997: 48).

Danh mục các địa điểm khảo cổ học đã công bố trong hai cuốn sách trên chênh lệch nhau khá lớn. Điều này chắc chắn khiến cho giới nghiên cứu gốm cổ Châu Á sẽ còn phải tiếp tục tranh luận và tìm kiếm. Hy vọng, trong thời gian tới, nhờ những phát hiện mới về khảo cổ học, bản đồ địa chỉ các di tích gốm xuất khẩu Việt Nam ở khu vực Đông Nam Á sẽ tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện.

Trong một thời gian khá dài, thị trường quan trọng nhất của gốm Việt Nam là các nước Đông Nam Á. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy đồ gốm Việt Nam ở các khu vực có đền đài, cung điện, mộ táng và nơi cư trú cùng với đồ gốm Trung Quốc và Thái Lan. Cần phải mở ngoặc nói thêm rằng, đồ gốm Việt Nam được xuất sang Trung Quốc thời kì đầu không phải do nhu cầu sử dụng mà do nhu cầu ngoại thương của nước này. Sản phẩm sản xuất trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hoá và xuất khẩu nên họ nhập khẩu gốm Việt Nam làm sản phẩm thay thế. Sau Trung Quốc, Indônêxia và Philippin là hai nước đầu tiên ở Đông Nam Á nhập khẩu gốm Việt Nam. “Đồ gốm thời Lý đã được phát hiện khắp nơi trên đất Indônêxia, từ miền Trung đến miền cực Tây đảo Java tuy là với số lượng ít” (M.Tsugio 1984: 161). Chiếc bình men xám tro có hoa văn cánh sen khắc nổi được lưu trữ tại bảo tàng Quốc gia Jakarta là một ví dụ. M.Tsugio sau khi giải thích nguyên nhân dẫn đến việc nhà Lý gia nhập con đường buôn bán Trung Quốc - Việt Nam - Indônêxia đã khẳng định, đồ gốm đã được chở sang Indônêxia dưới vương triều Srivijaya (M.Tsugio 1984).

Trên cơ sở niên đại và phong cách những hiện vật của Thái Lan và Khme phát hiện trên đảo Mindanao, nam Philippin, một số học giả đưa ra lời đoán định, đồ gốm Việt Nam cũng được chuyên chở sang nam Philippin theo con đường Thái Lan - Việt Nam -

Philippin. Cụ thể hơn, Kerry Nguyễn - Long đã dẫn tư liệu mô tả 2 tuyến đường hàng hải dẫn đến các hải đảo Đông Nam Á lúc bấy giờ. Một tuyến từ phía Tây Indônêxia hoặc bán đảo Malay chạy dọc theo Bắc Java, Nam Borneo và Sulawesi, qua phía bắc các hòn đảo Madura, Bali, Sumbawa và Flores, sau đó vào vùng biển Banda đến cụm đảo Banda và Tambon. Con đường đến Ternate hoặc Tidore phải đi qua lối giữa Buru và Ceram, và lần theo dải đảo đi về phía Bắc. Tuyến thứ hai đi qua Borneo, ghé Brunei, xuyên qua eo biển Balabac vào vùng biển Sulu. Vào khoảng năm 1500, tàu thuyền từ Thái Lan đến Mindanao phải theo con đường này. Hoặc từ Trung Quốc có thể đi qua Lufon, tiếp theo hướng đến Mindoro hoặc nhóm đảo Calamian và vào vùng biển Sulu từ phía bắc. Để tiếp tục đi Moluccas phải vượt qua quần đảo Sulu, đến cận đảo Basilan tiếp tục dọc theo bờ biển Nam Minandao trước khi rẽ về phía nam tới cụm đảo Sangihe, và từ đó đến Bắc Moluccas. Tất nhiên, bên trong và bên ngoài hai tuyến đường này còn chằng chịt các nhánh nhỏ. (Kerry Nguyễn - Long 2001: 80).

Từ thời Trần, chỗ đứng của đồ gốm Việt Nam trên thị trường Đông Nam Á dần trở nên vững chắc và ổn định. Bằng chứng là số khu vực phát hiện đồ gốm Việt Nam và số lượng của nó trong các khu vực đó tăng lên đáng kể; đặc biệt quần đảo Indônêxia được xem là nơi nổi tiếng vì tìm thấy nhiều đồ gốm quý của Việt Nam. Sang thế kỉ 14 và vào cuối thời Trần, chủng loại đồ gốm xuất khẩu

của Việt Nam càng trở nên rõ rệt. Thị trường của đồ gốm Việt Nam cũng mở rộng sang cả Nhật Bản.

Về thị trường ven biển Đông Á, khi chứng minh thời điểm mở đầu cho mối quan hệ Nhật - Việt qua buôn bán gốm, đa số các nhà nghiên cứu đều lấy dẫn chứng từ phát hiện khảo cổ học tại di tích Dajiaifu ở phía bắc Kuysu, cửa ngõ thông thương của nước Nhật cổ đại. Tại đây, người ta đã tìm thấy những mảnh gốm Việt Nam cùng với mảnh gỗ viết bằng mực tàu ghi niên đại tương ứng với năm 1330. Những mảnh gốm này bao gồm các loại gốm men xanh ngọc, gốm vẽ nâu sắt, gốm men trắng ngà và gốm men nâu. Chúng không chỉ là bằng chứng sớm nhất xác nhận sự có mặt của gốm thương mại Việt Nam tại quần đảo Đông Nam Á mà, theo Bùi Minh Trí: "Tư liệu này được coi là bằng chứng sớm nhất và đáng tin cậy nhất về thời điểm xuất khẩu gốm Việt Nam ra thị trường quốc tế" (Bùi Minh Trí 2003: 51).

Ngoài Nhật Bản, những mảnh gốm vẽ nâu sắt và xanh cobalt giống như di chỉ Dajiaifu được nhiều tư liệu xác nhận là đã tìm thấy ở địa điểm Juara trên đảo Tiumen, Tây Malayxia hoặc ở Đông Java và Nam Sulawesi (Indonexia). Hasebe Gakuji còn cho biết, cũng loại gốm này còn đào được ở di chỉ Fusta ngoại ô Cairô (Ai Cập) (Hasebe Gakuji 1991: 81). Mặc dù số lượng đồ gốm tìm thấy ở các di chỉ này nhiều ít rất khác nhau, nhưng điều đó cũng đủ để phản ánh bối cảnh và phạm vi giao dịch gốm thương mại Việt Nam trong thời kì đó.

Chỉ xét riêng về đồ gốm của Việt Nam đào được ở Nhật Bản, trong một báo cáo ngắn, Morimoto Asako đã phân loại, chia những sản phẩm này ra làm 4 thời kì và bước đầu đặt vấn đề tìm hiểu xuất xứ của chúng.

- Thời kì thứ nhất: Từ giữa thế kỉ 14 đến đầu thế kỉ 15, các chủng loại sản phẩm khá đa dạng, tìm thấy chủ yếu ở hai địa danh Dajaiфу và Hakata. M. Akaso cho rằng, chúng được sản xuất tại các lò gốm ở Bắc Việt Nam.

- Thời kì thứ 2: Từ giữa thế kỉ 15 đến đầu thế kỉ 16, chỉ tìm thấy một số ít sản phẩm ở Okinawa, "Có thể là sản phẩm của lò gốm Chu Đậu, tỉnh Hải Dương".

- Thời kì thứ 3: Từ giữa thế kỉ 16 đến đầu thế kỉ 17. Hiện vật tìm thấy tập trung ở Sakai, Osaka, Nagasaki, Negore v.v... Đặc biệt tại Sakai tìm thấy nhiều chum sành có xuất xứ ở Trung Việt.

- Thời kì thứ 4: Từ giữa thế kỉ 17 sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là chum, vại và một số "vật dụng thô sơ" từ các lò Hợp Lễ, Bát Tràng và các vùng phụ cận Bắc Việt Nam (Asako Morumoto 1996: 50 - 52).

Vào thời điểm cuối thời Momoyama (1574 - 1614), đầu thời Edo (1615 - 1866), gốm Việt Nam được đưa sang Nhật ở ạt với số lượng lớn. Ở các di chỉ khảo sát, người ta tìm thấy cả những sản phẩm gốm thô có chất lượng thấp. Điều đó chứng tỏ nhu cầu bán buôn và tiêu thụ thời kì này rất phát đạt. Sự giao thương giữa Việt Nam và Nhật theo hệ thống mậu dịch "chu ấn thuyền" đảm nhiệm đến năm 1633. Từ 1635 trở

đi mậu dịch Việt - Nhật Công ty Đông Ấn Hà Lan do (V.O.C) điều hành. Theo John Guy, thời kì này chỉ có một số ít đồ gốm được chở trực tiếp từ Việt Nam sang Nhật, còn phần lớn là do những thương nhân Nhật và Lưu Cầu mua ở Bắc Philippin. "Các tàu của Nhật Bản đã làm ăn buôn bán rất sôi nổi ở Manila, thời kì hoạt động thịnh vượng nhất là trong vòng 25 năm kể từ năm 1615". (John Guy 1984: 149).

Hầu hết các ghi chép về tình hình ngoại thương ở ven biển Đông Á đều viết rằng việc buôn bán trao đổi giữa Việt Nam và Nhật Bản bắt đầu giảm sút từ giữa thế kỉ 17. Riêng A. Morimoto, khi giới thiệu một chiếc bình gốm hoa lam mang phong cách Việt Nam đào được ở Osaka có niên đại vào cuối triều Edo, đã cho rằng, nếu đó đúng là sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam thì điều này chứng tỏ nửa sau thời Edo (thế kỉ 18) gốm thương mại Việt Nam vẫn tiếp tục được đưa vào Nhật (A. Morimoto 1996: 51).

Khi đặt vấn đề tiếp cận gốm thương mại Việt Nam qua các cuộc hành trình của nó từ bản địa tới các quốc gia trong khu vực, người viết bài này đã tự đặt mình vào một lĩnh vực vượt quá năng lực bản thân và giới hạn tư liệu cho phép. Chính vì vậy, báo cáo này chỉ là những nét phác họa trên bức tranh toàn cảnh về các cuộc hành trình của gốm cổ Việt Nam trong bối cảnh giao lưu thương mại hàng hải đã diễn ra rất sầm uất trong nhiều thế kỉ ở khu vực ven biển Châu Á suốt từ Đông sang Tây.

TÀI LIỆU DẪN

- AOYAGI YOJI 1991 Đồ gốm Việt Nam đào được trên các hòn đảo ở Đông Nam Á, *Khảo cổ học*, số 4, tr 78-82.
- ASAKO MORIMOTO 1996 Đồ gốm Việt Nam đào được ở Nhật Bản và nguồn gốc của những sản phẩm này, *Mỹ thuật*, Hội Mỹ thuật thành phố HCM, số 16+17, tr 50-52
- BUI MINH TRI 2003 Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua “con đường gốm sứ trên biển”, *Khảo cổ học*, số 5, tr 49-74.
- BUI MINH TRI 2004 Tản mạn về đồ gốm trong Hoàng thành Thăng Long, *Xưa và Nay*, số 203-204, tr 32-38
- HASEBE GAKUJI 1991 Tìm hiểu quan hệ Nhật – Việt qua giao lưu gốm sứ, trong *Đô thị cổ Hội An*, NXB Khoa học xã hội, Hanoi.
- JOHN GUY 1984 Đồ gốm Việt Nam, trong *Toàn tập đồ gốm thế giới*, Tập 16: *Gốm Đông Nam Á*, Shogakukan, Tokyo, tr 119-150.
- JOHN STEVENSON, JOHN GUY 1997 *Vietnamese Ceramics: A Separate Tradition*, Art Media Resources, Chicago.
- KERY NGUYEN-LONG 2001 A Record of Vietnamese Blue and White Ceramics in Export Context, in *Vietnamese Blue and White Ceramics*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- MIKAMI TSUGIO 1984 Đồ gốm Việt Nam và sự buôn bán đồ gốm, trong *Toàn tập đồ gốm thế giới*, Tập 16: *Gốm Đông Nam Á*, Shogakukan, Tokyo, tr 209-235.
- MITSUOKA TADANARI, NISHIDA HIROKO 1984 Đồ gốm Nam Hải với Nhật Bản, trong *Toàn tập đồ gốm thế giới*, Tập 16: *Gốm Đông Nam Á*, Shogakukan, Tokyo, tr 236-253.
- ROSEMARY SCOTT 1994 Southern Chinese Provincial Kilns: Their Importance and Possible Influence on Southeast Asian Ceramics, in *South east Asia and China: Art, Interaction and Commerce*, University of London.